|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 17 /TTr-UBND | *Kon Tum, ngày 28 tháng 02 năm 2021* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ**

**phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu**

**Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp chuyên đề

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp chuyên đề xem xét thông qua Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021-2026, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Thực hiện Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; trong đó:

*“Điều 4. Mức chi tại địa phương.*

*1. Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 2 Thông tư này: Căn cứ mức kinh phí quy định tại Điều 3 Thông tư này, căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo theo thông báo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Uỷ ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể tại địa phương.*

*2. Đối với các nhiệm vụ chi có tính đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đã quy định: Căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo theo thông báo và quy định tại Thông tư này, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Uỷ ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi cụ thể tại địa phương.”*

Theo đó, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, việc ban hành mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021-2026 là cần thiết và đúng quy định.

**II. MỤC ĐÍCH QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1.** Mục đích: Nhằm ban hành mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021-2026.

**2.** Quan điểm: Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Luật ngân sách nhà nước, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và Kế hoạch tổ chức Kỳ họp chuyên đề năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021-2026. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị quyết, gửi lấy ý kiến góp ý của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; lấy ý kiến của Chủ tịch Uỷ ban bầu cử tỉnh; ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI tại kỳ họp chuyên đề. Trên cơ sở các nội dung góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu hoàn thiện dự thảo nghị quyết và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT:** Gồm có 04 Điều, cụ thể như sau:

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Mức chi.

1. Chi tổ chức các hội nghị, tập huấn.

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử theo quy định tại Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp.

- Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo công tác bầu cử cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh; các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Nội vụ.

+ Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

- Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử cấp huyện, Ủy ban bầu cử cấp xã; các Ban bầu cử Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã; Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện.

+ Chủ trì cuộc họp: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên tham dự: 50.000 đồng/người/buổi.

+ Các đối tượng phục vụ: 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử.

a) Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- Đoàn của Ban chỉ đạo công tác bầu cử cấp tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

+ Trưởng đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 50.000 đồng/người/buổi.

+ Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:30.000 đồng/người/buổi.

*-* Đoàn của Sở Nội vụ, Ủy ban bầu cử cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố, các Ban bầu cử Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thành phố.

+ Trưởng đoàn giám sát: 60.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 40.000 đồng/người/buổi.

+ Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 25.000 đồng/người/buổi.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

- Báo cáo kết quả của đợt kiểm tra, giám sát của đoàn công tác: 200.000 đồng/báo cáo/đơn vị kiểm tra, tổng hợp. Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát toàn tỉnh 1.500.000 đồng/báo cáo tổng hợp/ cấp tỉnh; 800.000 đồng/báo cáo tổng hợp/cấp huyện, thành phố.

4. Chi xây dựng văn bản.

Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư số [338/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-338-2016-tt-btc-lap-du-toan-kinh-phi-ngan-sach-xay-dung-van-ban-quy-pham-phap-luat-316082.aspx) ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, có liên quan đến công tác bầu cử do Ban Chỉ đạo công tác bầu cử cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp huyện; Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh ban hành *(kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử),* như sau:

- Xây dựng văn bản: 1.000.000 đồng/văn bản tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý.

- Xin ý kiến bằng văn bản: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 200.000 đồng/người/văn bản.

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử.

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/người/tháng; cấp huyện: 600.000 đồng/người/tháng; cấp xã: 300.000 đồng/người/tháng.

- Các ủy viên Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 900.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện 450.000 đồng/người/tháng; Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng.

- Tổ trưởng, Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 600.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện 300.000 đồng/người/tháng.

- Tổ viên Tổ giúp việc: Cấp tỉnh 500.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện 200.000 đồng/người/tháng.

b) Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử *(ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia các Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp huyện)* được chi bồi dưỡng: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/ngày; Cấp huyện, xã 70.000 đồng/người/ngày; Thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày *(không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử);*

Thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán trong trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày: Cấp tỉnh 1.500.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện, xã 1.200.000 đồng/người/tháng; trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trưng tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Riêng 02 ngày *(ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)*: Chi bồi dưỡng 120.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động.

- Thành viên Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 300.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện 200.000 đồng/người/tháng;

- Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 250.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện 150.000 đồng/người/tháng;

7. Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử.

- Người được giao trực, tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 35.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 30.000 đồng/người/buổi.

8. Chi làm hòm phiếu, khắc dấu của tổ chức bầu cử, bảng niêm yết danh sách bầu cử.

Trường hợp hòm phiếu cũ, dấu cũ không thể sử dụng, và chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, cần phải bổ sung; thực hiện thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá: 350.000 đồng/hòm phiếu; 250.000 đồng/dấu; 1.500.000 đồng/bảng.

9. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp huyện.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành; và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

10. Chi in ấn tài liệu phục vụ bầu cử: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

11. Các nội dung chi khác quy định tại Điều 2 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, nhưng chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và văn bản quy phạm pháp luật khác, thực hiện thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 3:** Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ

Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ khoán cước điện thoại di động: Thực hiện theo thời gian thực tế, tính từ thời điểm quyết định thành lập Ủy ban bầu cử các cấp, quyết định thành lập Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử tỉnh, huyện, cho đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; nhưng tối đa không quá 5 tháng. Trường hợp thời gian phục vụ công tác bầu cử trong tháng có số ngày lẻ trên 15 ngày thì được tính bằng 1 tháng mức hỗ trợ; số ngày lẻ từ 15 ngày trở xuống thì tính mức hỗ trợ bằng ½ tháng.

Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện

*(Tài liệu gửi kèm: (1) Dự thảo Nghị quyết;(2) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị về Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết;(3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và các tài liệu liên quan khác).*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp chuyên đề xem xét, quyết định*./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - Thường trực Tỉnh ủy (b/c)  - Thường trực HĐND tỉnh (b/c)  - Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c)  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Ban KTNS-HĐND tỉnh;  - Các Sở: Tài chính; Nội vụ;  - Văn phòng UBND tỉnh:  - Lưu: VT-KTTH.NTS. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Đã ký**  **Lê Ngọc Tuấn** |